TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ- ST
Ngày 02-4- 2019
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Phan Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Hải Y, sinh năm 1980 (có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Đều trú tại: Số nhà x, ngõ x, tổ x, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 30 tháng 10 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Hải Y trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 04/12/2000. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình chồng tại phường

N, quận Đ, thành phố Hà Nội từ năm 2000 đến năm 2006. Sau đó hai vợ chồng chị ra ở riêng tại phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội từ năm 2006 đến năm 2017. Cuối năm 2017 vợ chồng chị chuyển về sống và đăng ký tạm trú tại Số nhà x, ngõ x, tổ x, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến tháng 12/2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham chơi cờ bạc nên nợ nần nhiều, chị phải trả nợ thay cho anh nhiều lần. Cuộc sống 03 mẹ chị luôn bị những người là chủ nợ của anh T đến đòi nợ, quấy rối, 03 mẹ chị sống trong tình trạng lo lắng và không an tâm. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần, anh hứa sẽ thay đổi song lại vẫn chứng nào tật đấy. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để 03 mẹ con chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000 và Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị, nếu ly hôn chị xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung. Hiện nay chị kỹ sư công ty S tại huyện Đ, thành phố Hà Nội, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh T trình bày thống nhất như chị Y trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, anh xác định là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình và làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2018 vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Nay chị Y xin ly hôn, anh xác định anh vẫn còn với chị Y nên anh không đồng ý. Anh hứa sẽ thay đổi và mong chị Y suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị Y cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất như chị Y trình bày là đúng, hiện nay cả hai cháu Hoàng Hải L1 và Hoàng Hải L2, đang ở cùng với chị Y. Nếu ly hôn, các con ở với ai là tùy thuộc ý kiến các con. Hiện anh đang là lao động tự do, không có thu nhập nên không có gì cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai của cháu Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000, cháu Long trình bày: Bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau, sống với nhau không hạnh phúc, bố cháu nợ nần nhiều, mẹ cháu phải trả nợ thay. Mẹ cháu làm đơn ly hôn

bố cháu đề nghị tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn , nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng mẹ và em trai Hoàng Hải L2 vì mẹ cháu nuôi hai anh em cháu từ trước đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007, cháu Lâm trình bày: Mẹ cháu làm đơn ly hôn bố cháu có biết, nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng mẹ như hiện nay.

Tại biên bản lấy lời khai của mẹ đẻ chị Y là bà Nguyễn Thị T trình bày: Gia đình bà tổ chức hôn lễ cho chị Y và anh T vào ngày 04/12/2000. Tổ chức xong chị Y về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T tại phường Đ, thành phố Hà Nội. Đến năm 2017 anh chị về chung sống tại tổ x, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ năm 2018, bà thấy anh chị sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh T lái tắc xi nhưng không chỉnh chu làm ăn , thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, chị Y phải trả nợ thay, anh T không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con . Bà được biết chị Y xin ly hôn, bà cũng khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi . Bà thấy anh chị sống không hạnh phúc, chị Y không yên tâm khi bị các chủ nợ của anh T đến đòi nợ, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y ly hôn anh T để chị Y yên tâm làm ăn và nuôi dạy 02 con là Hoàng Hải L1 và Hoàng Hải L2, hiện hai cháu đang ở cùng với chị Y.

Về tài sản và vay nợ: Vợ chồng anh chị có tài sản gì bà không nắm được, anh chị không vay nợ gì của bà.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung và thu nhập của chị Y, anh T tại phường Hùng Vương.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Cho chị Trịnh Hải Y được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Hải Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007 cho đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi và lao động tự túc được. Riêng cháu Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000 đã đủ 18 tuổi, cháu ở với ai tùy cháu. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Văn T, sinh năm 1967, tạm trú tại: Tổ x, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì Tòa án đã thông báo và niêm yết giấy báo cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét đơn xin ly hôn của chị Trịnh Hải Y với anh Hoàng Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Chị Yến và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 04/12/2000, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên mặc dù chung sống một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Chị Y xin ly hôn, anh T không đồng ý. Quá trình giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải và để anh chị có thời gian để về đoàn tụ nhưng trong

thời gian qua vợ chồng chị Y, anh T không cải thiện được quan hệ mà ngày càng mâu thuẫn thêm. Tại buổi hòa giải anh T trình bày nếu chị Y cương quyết xin ly hôn thì anh T đồng ý. Qua lời khai của cháu Hoàng Hải L1 và Hoàng Hải L2 cũng như lời khai bà Tư , mẹ chị Y xác định vợ chồng anh chị sống không hạnh phúc. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh T đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử thấy đề nghị xin ly hôn của chị Y với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000 và Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị Y. Ly hôn chị Y đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hai cháu Long và Lâm có nguyện vọng ở với mẹ. Quan điểm anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng hai cháu . Hội đồng xét xử thấy chị Y có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng 2 cháu xin ở cùng mẹ nên giao cho chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000 và Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007 là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, chị Y không yêu cầu, chị cung cấp bản lương xác định thu nhập bình quân của chị khoảng 15.000.000đồng /01 tháng. Bản thân anh T khai không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về quyền thăm non con chung sau ly hôn, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ: anh T, chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Hải Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho chị Trịnh Hải Y được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Hải Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Hải L2, sinh ngày 13/11/2007 cho đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi và lao động tự túc được. Riêng cháu Hoàng Hải L1, sinh ngày 09/10/2000 đã đủ 18 tuổi, cháu ở với ai tùy cháu. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm: Chị Trịnh Hải Y phải nộp 300.000đ tiền, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0004224 ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; chị Y đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- UBND phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh